

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST
Ngày: 28-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Vân Khánh - Giáo viên, Hiệu trưởng Trường THCS Tân Bình

Bà Nguyễn Ngọc Nhuận - Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong huyện Tân Thạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Văn Tý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2023/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh T; Sinh ngày: 15/6/2006; Nơi sinh: xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con của ông Lê Quang L, sinh năm: 1966 và bà Trần Thị H, sinh năm: 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 07/6/2023 đến ngày 10/6/2023 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 15/6/2023 đến ngày 15/10/2023 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thị Thùy D; Sinh ngày: 31/8/2006; Nơi sinh: xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nơi thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề

nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con của ông Nguyễn Chí T1 (đã chết) và bà Ngô Thị Mai P, sinh năm: 1982; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 07/6/2023 đến ngày 10/6/2023 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 15/6/2023 đến ngày 15/10/2023 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Thị Thùy D:* Ông Lê Văn K –Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T3 – Sở tư pháp tỉnh Long An. Địa chỉ: Số B, đường số A, phường F, thành phố T, tỉnh Long An (Có mặt).

- *Bị hại:*

+ Lê Văn C, sinh ngày: 01/01/1977. Địa chỉ: ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Lê Văn T2, sinh năm: 1962. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo D:* Bà Ngô Thị Mai P, sinh ngày: 23/7/1982. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo T:*

+ Bà Trần Thị H, sinh ngày: 01/01/1967. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

+ Ông Lê Quang L, sinh ngày: 19/5/1966. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Mai C1, sinh ngày: 01/01/1996. Địa chỉ: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An. Nơi ĐKKHKT: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2023, Nguyễn Thị Thùy D đến nhà của Lê Minh T chơi. Sau đó T và D thống nhất cùng nhau bỏ nhà đi bộ từ nhà của T ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đến thị xã C, tỉnh Tiền Giang để đi tìm việc làm thuê phục vụ bán quán nước giải khát. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi T và D đi bộ cách nhà T được khoảng 100 mét, T, D phát hiện 01 chiếc xe đạp màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, có chữ B, ống ngồi thẳng dài 53cm, chiều dài tâm bánh 110cm, bánh

xe cầm chỉ kích thước 70cm, phanh đùm, phía trước gắn rổ bằng kim loại có quần dây nhựa màu nâu, không chân chống, đã qua sử dụng của ông Lê Văn T2 đậu trên lề đường tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp không người trông giữ. T và D nảy sinh ý định trộm cắp xe đạp trên để sử dụng làm phương tiện đi lại. T trực tiếp lén lút lấy trộm xe đạp trên. Sau đó, T điều khiển xe đạp vừa trộm được chở D ngồi phía sau đi tiếp khoảng 200 mét thì phát hiện 01 chiếc xe đạp không rõ nhãn hiệu, ống ngồi thẳng dài 56cm, chiều dài tâm bánh 113cm, màu trắng bạc, bánh xe cầm chỉ kích thước 66cm, phanh đùm, phía trước gắn rổ bằng kim loại, đã qua sử dụng, chưa xác định được chủ sở hữu, đang dựng cạnh chuồng bò của bà Nguyễn Thị P1 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp không có người trông giữ. T kêu D đi vào lấy trộm xe đạp để sử dụng làm phương tiện đi lại. D đồng ý và lén lút lấy trộm xe đạp trên. Sau đó, T và D mỗi người điều khiển 01 chiếc xe đạp vừa trộm được tiếp tục đi từ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đến Thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 16 giờ 20 ngày 31/5/2023, trên đường đi do không có tiền ăn uống nên T và D đem 02 chiếc xe đạp trộm được đến điểm thu mua phế liệu của ông Mai C1 tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An bán được số tiền 180.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau đó, T và D tiếp tục đi bộ theo Quốc lộ F về hướng Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Trên đường đi, T và D phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S 110, màu sơn: đỏ, biển số 62N6-6914 của ông Lê Văn C đang đậu trên lề đường, chìa khóa để sẵn trong ổ khóa xe, xung quanh không có người trông giữ. T và D nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô để sử dụng làm phương tiện đi lại. T lén lút ngồi lên xe mô tô, bật chìa khóa khởi động xe, D ngồi lên phía sau, T điều khiển xe mô tô chở D cùng đi đến nhà bà ngoại của D tên Lê Thị B1 ở ấp L, xã P, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang và ở lại tại đây. Sau đó, T và D hàng ngày, sử dụng xe mô tô trộm cắp được làm phương tiện đi lại. Đến ngày 07/6/2023, Phòng PC02 - Công an tỉnh T kiểm tra hành chính T, D phát hiện xe mô tô T và D đang sử dụng là tài sản trộm cắp nên đã thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An để xử lý theo quy định. Qua điều tra Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 40/KL-HĐĐG ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng định giá Tổ tụng Hình sự huyện T. Kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S 110, màu sơn: đỏ, biển số 62N6-6914, số khung:

RLHJC4317BY607931, số máy: JC43E1576974, đã qua sử dụng, trị giá 5.637.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐG ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá Tổ tụng Hình sự huyện T. Kết luận: 01 chiếc xe đạp màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, có chữa B, ống ngồi thẳng dài 53cm, chiều dài tâm bánh 110cm, bánh xe cãm chỉ kích thước 70cm, phanh đùm, phía trước gắn rô bằng kim loại có quần dây nhựa màu nâu, không chân chống, đã qua sử dụng, trị giá 498.000 đồng; 01 chiếc xe đạp không rõ nhãn hiệu, ống ngồi thẳng dài 56cm, chiều dài tâm bánh 113cm, màu trắng bạc, bánh xe cãm chỉ kích thước 66cm, phanh đùm, phía trước gắn rô bằng kim loại, đã qua sử dụng, trị giá 498.000 đồng. Tổng cộng tài sản trị giá 996.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKSTT, ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính:

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 17, 50, 91, 100 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 50, 58, 91, 100 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị giao các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D về UBND xã nơi cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình của các bị cáo phải phối hợp với UBND xã trong thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự;

- Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc xe đạp không rõ nhãn hiệu, ống ngồi thẳng dài 56cm, chiều dài tâm bánh 113cm, màu trắng bạc, bánh xe

cầm chỉ kích thước 66cm, phanh chùm, phía trước gắn rô bằng kim loại, đã qua sử dụng, chưa xác định được chủ sở hữu;

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 áo thun nam hiệu HLBOY, size XL, màu xám, phía trước có chữ “VL” lồng vào nhau, áo ngắn tay, cổ tròn, đã qua sử dụng; 01 quần ngắn (quần đùi), không nhãn hiệu, màu xám – đen, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Minh T; 01 váy nữ, màu đỏ, nhãn hiệu “bebe”, đã qua sử dụng, là đồ cá nhân của bị cáo Nguyễn Thị Thùy D.

Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đề cập.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo T, D cụ thể như sau: Hành vi của hai bị cáo đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản để trộm cắp tài sản. Bị cáo T và D trên 16 tuổi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện với lỗi cố ý đối với tội danh quy định tại khoản 1 điều 173 bộ luật hình sự, đủ các yếu tố cấu thành tội danh mà đại diện Viện kiểm sát truy tố. Người bào chữa thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố hai bị cáo đối với tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo đều dưới 18 tuổi, bản thân chưa có tiền án tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự theo đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” vì bản thân bị cáo T cũng chưa thành niên. Theo nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 Bộ Luật hình sự nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục giúp họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công nhân có ích cho xã hội. Tại Điều 416 Bộ Luật tố tụng hình sự quy định những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi thì cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh có hay không có người đủ

18 tuổi trở lên xúi giục mà không quy định người xúi giục là người chưa thành niên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 90, điều 91, điều 100 Bộ Luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho 2 bị cáo, đề nghị không áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo T căn cứ Điều 90 Bộ Luật hình sự quy định về áp dụng Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này”. Theo quy định trên, hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không loại trừ việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52, thuộc chương VIII phần thứ Nhất của Bộ Luật hình sự.

Người đại diện theo pháp luật của các bị cáo T, D đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm cho các bị cáo, gia đình sẽ cam kết sẽ kèm cặp, quản lý chặt chẽ, giáo dục các bị cáo để các bị cáo không tiếp tục vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng của Viện kiểm sát. Tại phần tranh luận các bị cáo cũng không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo T, D xin giảm nhẹ hình phạt, cam kết không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa các bị hại Lê Văn C, Lê Văn T2 vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Mai C1 vắng mặt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa. Đồng thời, hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ lời khai của ông Lê Văn C, ông Lê Văn T2, ông Mai C1 và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 22 giờ 00 phút đêm 30/5/2023, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi lấy trộm tài sản gồm: 01 chiếc xe đạp màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, có chữa B, ống ngồi thẳng dài 53cm, chiều dài tâm bánh 110cm, bánh xe cắm chỉ kích thước 70cm, phanh đùm, phía trước gắn rổ bằng kim loại có quần dây nhựa màu nâu, không chân chống, đã qua sử dụng của ông Lê Văn T2 trị giá 498.000 đồng; 01 chiếc xe đạp không rõ nhãn hiệu, ống ngồi thẳng dài 56cm, chiều dài tâm bánh 113cm, màu trắng bạc, bánh xe cắm chỉ kích thước 66cm, phanh đùm, phía trước gắn rổ bằng kim loại, đã qua sử dụng, chưa xác định được chủ sở hữu trị giá 498.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 ngày 31/5/2023, tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Long An, Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D tiếp tục lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi lấy trộm tài sản 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S 110, màu sơn: đỏ, biển số 62N6-6914 của ông Lê Văn C trị giá 5.637.000 đồng. Các bị cáo 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 01 lần giá trị tài sản đủ định lượng để xử lý hình sự. Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần liên tục trong khoảng thời gian chỉ trong đêm 30/5/2023 đến ngày 31/5/2023 nên xác định là phạm tội liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian theo hướng dẫn tại Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính. Do đó, cần tổng cộng các lần các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để xử lý trong vụ án để đảm bảo tính khách quan, đánh

giá toàn diện hành vi, ý thức pháp luật của các bị cáo. Tổng cộng tài sản mà Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D trộm cắp trị giá 6.633.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thống nhất ý chí, là đồng phạm trong thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò của từng bị cáo nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự địa phương, an toàn xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Do đó, hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo khi đồng phạm trong thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo.

[4.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật hình sự:

Xét thấy, tại thời điểm thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T và D đều trên 16 tuổi, dưới 18 tuổi. Các quy định pháp luật và hướng dẫn đối với trường hợp này như sau:

Tại mục 24 Phần I Công văn 16/1999/KHXX ngày 01/02/1999 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn: "Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội" không có quy định nào loại trừ việc áp dụng các tình tiết tăng nặng quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật hình sự nói chung và tình tiết "xúi giục người chưa thành niên phạm tội" quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này nói riêng. Tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật hình sự chỉ quy định "xúi giục người chưa thành niên phạm tội: là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội, chứ cũng không quy định người xúi giục phải là người thành

niên; Vì vậy, nếu người chưa thành niên phạm tội mà có hành vi xúi giục người chưa thành niên khác phạm tội, thì khi xét xử Toà án phải áp dụng tình Tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "xúi giục người chưa thành niên phạm tội" quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật hình sự đối với họ. Đây là hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999. Đến nay chưa có hướng dẫn nào áp dụng quy định tại Điều 52, Điều 90, 91 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là:

Tại Điều 90 Bộ Luật hình sự quy định: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này. Quy định này không loại trừ việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự. Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ.

Tuy nhiên, tại Điều 91 Bộ Luật hình sự quy định nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là: “việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội”. Như vậy, xử lý đối với người dưới 18 tuổi không nhằm mục đích trừng trị, răn đe mà chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ.

Đồng thời, tại khoản 3 Điều 416 Bộ Luật tố tụng hình sự quy định một trong những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi là cần phải xác định: “Có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục”. Như vậy, quy định này nêu rõ cơ quan tiến hành tố tụng xác định có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục. Vì vậy, nếu người chưa thành niên xúi giục người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không thuộc đối tượng cần phải xác định khi tiến hành tố tụng.

Do có quy định khác nhau giữa Luật nội dung và Luật tố tụng đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi nên cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo Lê Minh T, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự theo đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo.

Như vậy, các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo D còn có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn: cha chết, mẹ có chồng khác, bị cáo sống với bà nội, bị cáo thiếu tình cảm gia đình, sự quan tâm, giáo dục của cha mẹ, kinh tế gia đình khó khăn. Bị cáo T cũng có hoàn cảnh gia đình khó khăn, xuất thân từ thành phần nhân dân lao động. Các bị cáo phạm tội khi chưa thành niên. Do đó, các bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[4.3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:

Bị cáo T là người rủ rê, khởi xướng bị cáo D cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cũng là người thực hành nên hình phạt đối với T cao hơn đối với bị cáo D.

Bị cáo D được T rủ rê, xúi giục lấy trộm tài sản đã không ngăn cản mà cùng nhau thực hiện với vai trò là thực hành, người giúp sức.

[4.4] Về nhân thân:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Đối với các bị cáo tại thời điểm thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo trên 16 tuổi, dưới 18 tuổi, là người chưa thành niên nên áp dụng các quy định của Bộ Luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để quyết định hình phạt.

[6] Trên cơ sở những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật, tư duy còn hạn chế, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa đã thể hiện sự ăn năn, hối cải. Người đại diện theo pháp luật cũng đã cam kết quản lý, kèm cặp, giáo dục các bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật, không tiếp tục vi phạm. Hội đồng xét xử xét thấy quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên chủ yếu nhằm cải tạo, giáo dục người chưa thành niên, không nhằm mục đích trừng phạt. Do đó, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú quản lý, giáo dục. Gia đình của các bị cáo có trách

nhiệm phối hợp trong việc quản lý, giáo dục các bị cáo để giúp các bị cáo cải tạo tốt, chấp hành nghiêm pháp luật, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[7] Theo quy định tại Điều 36 Bộ Luật hình sự, người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ còn có thể bị khấu trừ thu nhập. Tuy nhiên các bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Tại khoản 2. Điều 100 Bộ Luật hình sự quy định. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[8] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên, của người bào chữa cho các bị cáo về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 5 điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo chưa thành niên, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[10] Về vật chứng trong vụ án:

[10.1] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S 110, màu sơn: đỏ, biển số 62N6-6914, số khung: RLHJC4317BY607931, số máy: JC43E1576974, đã qua sử dụng, do ông Lê Văn C đứng tên chủ sở hữu. Xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông Lê Văn C là đúng quy định pháp luật.

[10.2] Đối với 01 chiếc xe đạp màu trắng bạc, không rõ nhãn hiệu, có chữa B, ống ngồi thẳng dài 53cm, chiều dài tâm bánh 110cm, bánh xe cỡ chỉ kích thước 70cm, phanh đùm, phía trước gắn rổ bằng kim loại có quấn dây nhựa màu nâu, không chân chống, đã qua sử dụng. Xe đạp trên là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông Lê Văn T2 là đúng quy định pháp luật.

[10.3] Đối với 01 chiếc xe đạp không rõ nhãn hiệu, ống ngồi thẳng dài 56cm, chiều dài tâm bánh 113cm, màu trắng bạc, bánh xe cỡ chỉ kích thước 66cm, phanh đùm, phía trước gắn rổ bằng kim loại, đã qua sử dụng, chưa xác định được chủ sở hữu nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[10.2] Đối với 01 áo thun nam hiệu HLBOY, size XL, màu xám, phía trước có chữ “VL” lồng vào nhau, áo ngắn tay, cổ tròn, đã qua sử dụng; 01 quần ngắn (quần đùi), không nhãn hiệu, màu xám – đen, đã qua sử dụng. Tất cả đều là đồ cá nhân của bị can Lê Minh T mặc vào ngày 31/5/2023; 01 váy nữ, màu đỏ, nhãn hiệu “bebe”, đã qua sử dụng, đây là đồ cá nhân của bị can Nguyễn Thị Thùy D mặc vào ngày 31/5/2023. Tại phiên tòa, T và D không yêu cầu nhận lại. Xét thấy tài sản không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Mai C1 đã mua 02 chiếc xe đạp do T và D lấy trộm, mang đến bán. Ông C1 đã giao tài sản cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật. Ông C1 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã trả cho hai bị cáo khi mua xe là 180.000 đồng. Do đó, về trách nhiệm dân sự không có ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[12] Đối với ông Mai C1 mua 02 chiếc xe đạp do Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D bán nhưng ông C1 không biết rõ nguồn gốc tài sản ở đâu mà T, D có. T, D không nói cho ông C1 biết là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, hành vi của ông Mai C1 không có dấu hiệu phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý là có cơ sở.

[13] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 58, 91, 98, 100 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lê Minh T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được

quyết định thi hành án và bản sao bản án nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2023 đến ngày 10/06/2023 là 04 (Bốn) ngày quy đổi bằng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Lê Minh T còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 36, 50, 58, 91, 98, 100, 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thùy D 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2023 đến ngày 10/06/2023 là 04 (Bốn) ngày, quy đổi bằng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Thị Thùy D còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

3. Giao bị cáo Lê Minh T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy D cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự;

4.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (Một) chiếc xe đạp không rõ nhãn hiệu, ống ngồi thẳng dài 56cm, chiều dài tâm bánh 113cm, màu trắng bạc, bánh xe cắm chỉ kích thước 66cm, phanh đùm, phía trước gắn rổ bằng kim loại, đã qua sử dụng.

4.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) áo thun nam hiệu HLBOY, size XL, màu xám, phía trước có chữ “VL” lồng vào nhau, áo ngắn tay, cổ tròn, đã qua sử dụng; 01 (Một) quần ngắn (quần đùi), không nhãn hiệu, màu xám – đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) váy nữ, màu đỏ, nhãn hiệu “bebe”, đã qua sử dụng.

Vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2023.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Thị Thùy D; Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh